ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 162 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 59/TTr-SNNPTNT ngày 25/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2020, như sau:

1. Diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng:

Tổng diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng cuối kỳ: **204.217,39 ha**, trong đó:

a) Diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng phân theo hiện trạng rừng:

- Diện tích đất có rừng: 155.393,95 ha; gồm:

+ Rừng tự nhiên: 146.361,83 ha;

+ Rừng trồng đã thành rừng: 6.853,60 ha;

+ Rừng trồng chưa thành rừng: 2.178,52 ha.

- Diện tích đất chưa có rừng: 45.677,47 ha; gồm:

+ Đất trống có cây gỗ tái sinh: 4.843,23 ha;

+ Diện tích khác: 40.834,24 ha.

b) Diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng phân theo mục đích sử dụng:

- Diện tích rừng và đất quy hoạch đặc dụng năm 2020: 41.695,66 ha *(giảm 32,89 ha so với năm 2019)*; gồm: Rừng tự nhiên 32.269,32 ha, rừng trồng đã thành rừng 1.803,29 ha, rừng trồng chưa thành rừng 146,97 ha, đất chưa có rừng 7.476,08 ha;

- Diện tích rừng và đất quy hoạch phòng hộ năm 2020: 128.141,58 ha *(giảm 57,07 ha so với năm 2019)*; gồm: Rừng tự nhiên 97.563,06 ha, rừng trồng đã thành rừng 3.538,51 ha, rừng trồng chưa thành rừng 849,01 ha, đất chưa có rừng 26.191,00 ha;

- Diện tích rừng và đất quy hoạch sản xuất năm 2020: 31.234,18 ha *(giảm 2.994,18 ha so với năm 2019)*; gồm: Rừng tự nhiên 16.529,45 ha, rừng trồng đã thành rừng 1.511,80 ha, rừng trồng chưa thành rừng 1.182,54 ha, đất chưa có rừng 12.010,39 ha *(quy hoạch rừng sản xuất: 30.228,77 ha và ngoài quy hoạch 03 loại rừng: 1.005,41 ha).*

2. Tỷ lệ phủ rừng toàn tỉnh: Tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Ninh Thuận tại thời điểm tháng 12/2020 là 45,66% *(không tính 2.178,52 ha rừng trồng chưa thành rừng).*

3. Cơ sở dữ liệu diễn biến rừng: Toàn bộ số liệu, bản đồ diễn biến rừng được lưu trong hệ thống cơ sở dữ liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng chi tiết đến lô trạng thái và chủ rừng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, các đơn vị giao quản lý rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn tỉnh sử dụng số liệu hiện trạng rừng để xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm.

2. Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu diễn biến rừng và theo dõi, cập nhật diễn biến rừng hàng năm trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc các Hạt Kiểm lâm và chủ rừng nghiêm túc thực hiện theo dõi diễn biến rừng theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các đơn vị chủ rừng có trách nhiệm thực hiện theo dõi diễn biến rừng; xây dựng, triển khai có hiệu quả phương án, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2021 theo quy định.

5. Đối với các địa phương, chủ rừng có diện tích rừng giảm trong năm 2020, tổ chức rà soát, kiểm tra, làm rõ nguyên nhân và thực hiện các giải pháp

phục hồi diện tích rừng bị giảm; xem xét trách nhiệm (nếu có) các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị chủ rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (b/cáo);
- Tổng cục Lâm nghiệp (b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, khối NCTH;
- Lưu: VT. KTTH. Nam

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Lê Huyền